

Số: 12 /TB-MNVH

Việt Hưng, ngày 09 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO**Về việc niêm yết công khai bảng lương đơn vị
(lương ngân sách, lương trường) tháng 01 năm 2023.**

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào bảng lương đơn vị tháng 01 năm 2023 của trường Mầm non Việt Hưng;

Thành phần thực hiện niêm yết công khai:

- | | |
|----------------------------|--------------------------|
| 1. Bà Đặng Thị Thanh Xuân | Chức vụ : Hiệu trưởng |
| 2. Bà Nguyễn Thị Hiếu | Chức vụ: Phó HT - CTCĐ |
| 3. Bà Nguyễn Thục Anh | Chức vụ: Khối trưởng MGN |
| 4. Bà Nguyễn Thị Thu Trang | Chức vụ: Kế toán – TTVp |
| 5. Bà Nguyễn Thùy Linh | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

Chủ trì: Bà Đặng Thị Thanh Xuân

Thư ký: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Nội dung công khai: Công khai danh sách chi cho CBGVNV lương ngân sách, lương trường tháng năm 2023 (Có bảng lương kèm theo)

Hình thức niêm yết: Thông báo trước ban liên tịch và thông báo tới toàn thể CBGVNV nhà trường.

Địa điểm niêm yết: Niêm yết tại bảng công khai tuyên truyền của nhà trường

Thời gian niêm yết: Từ ngày 09 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 15 tháng 01 năm 2023.

Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trong suốt thời gian công khai nếu có thắc mắc liên hệ trực tiếp qua SĐT 0462610463 (Đ/c Kế toán) hoặc gửi thư về hòm thư điện tử: mnviethung@longbien.edu.vn.

Nơi nhận:

- Ban công khai
- CBGVNV
- Lưu;


HIỆU TRƯỞNG
Đặng Thị Thanh Xuân

2	Trường Mầm non Việt Hưng																
3	Địa chỉ: Tổ 4 - Phường Việt Hưng - Long Biên																
4	Điện thoại: 024.62610463																
BẢNG LƯƠNG NGÂN SÁCH THÁNG 1 NĂM 2023(BC) MỨC 1.490.000																	
6																	
7	STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ NGẠCH	HỆ SỐ LƯƠNG	PC CV, TM	HSPC người	PCTM nhà giáo				Tâm			TỔNG CÔNG	Trợ các khoản đóng góp BH (10,52)8% BHYT - 1,5% BHYT - 1% BHYT	Thực lĩnh	Ký của
							Z	HS	Lương	PGCV-TM	35% PC người	PC TMNG					
0	1	Đặng Thị Thanh Xuân	V.07.02.26	3.34	0.5	1.344	13%	0.43920	4.376.600	745.000	2.002.560	743.808	8.467.968	614.214	7.853.754		
1	2	Nguyễn Thị Hiếu	V.07.02.26	3.34	0.35	1.2915	18%	0.6642	4.376.600	521.500	1.924.335	989.658	8.412.093	681.215	7.730.878		
2	3	Nguyễn Thị Lan	V.07.02.26	3.03	0.35	1.183	11%	0.3718	4.514.700	521.500	1.762.670	553.962	7.352.852	586.969	6.765.883		
3	4	Nguyễn Thị Thu Nga	V.07.02.26	3.96		1.386	22%	0.871	5.900.400	-	2.065.140	1.298.068	9.263.628	755.841	8.507.787		
4	5	Nguyễn Thị Nhân	V.07.02.26	3.96		1.386	27%	1.069	5.900.400	-	2.065.140	1.593.108	9.558.648	786.818	8.771.830		
5	6	Đinh Thị Thúy Hòa	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	26%	0.990	5.900.400	228.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713		
6	7	Nguyễn Thục Anh	V.07.02.26	3.65	0.2	1.2775	18%	0.857	5.438.500	298.000	1.903.475	978.930	8.618.905	673.890	7.945.015		
7	8	Nguyễn Thị Mùi	V.07.02.26	3.34		1.189	15%	0.501	4.376.600	-	1.741.810	746.490	7.464.900	600.924	6.863.976		
8									4.972.600	1.008.000	17.418.10	696.704	7.638.634		7.042.935		

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P
4	Nguyễn Thị Thu Nga	V.07.02.26	3.96		1.386	22%	0.871	5.900.400	-	2.065.140	1.298.098	9.263.628	755.641	8.507.787	
13	Nguyễn Thị Nhân	V.07.02.26	3.96		1.386	27%	1.069	5.900.400	-	2.065.140	1.539.106	9.558.648	786.818	8.771.830	
14	Đinh Thị Thủy Hòa	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
15	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
16	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
17	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
18	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
19	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
20	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
21	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
22	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
23	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
24	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
25	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
26	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
27	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
28	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	
29	Nguyễn Thị Huệ	V.07.02.26	3.96	0.15	1.386	25%	0.990	5.900.400	223.500	2.065.140	1.475.100	9.664.140	774.428	8.889.713	

29	20	Trần Thị Thu Thủy	V.01.02.26	2.41		0.8435		0.000	3.590.900	-	1.256.615	-	4.847.115	377.045	4.470.611	
30	21	Nguyễn Thị Hương	V.01.02.26	2.72	-	0.952	8%	0.218	4.052.800	-	1.418.480	324.224	5.795.504	459.588	5.335.916	
31	22	Nguyễn Thị Nga	V.01.02.26	2.41		0.8435	6%	0.145	3.590.900	-	1.256.615	215.454	5.063.169	399.667	4.663.502	
32	23	Bùi Thị Ngọc Hà	V.01.02.26	2.41		0.8435	6%	0.145	3.590.900	-	1.256.615	215.454	5.063.169	399.667	4.663.502	
33	24	Trần Hương Giang	V.01.02.26	2.1		0.735		0.00	3.129.000	-	1.095.150	-	4.224.150	326.545	3.897.605	
34		Tổng cộng		70.55	1.85	25.113	2.59	8.75820	105.119.500	2.756.500	37.417.625	13.049.718	158.343.343	12.530.854	145.812.489	

1	UBND QUẬN LONG BIÊN											
2	Trường MN Việt Hưng											
3	BẢNG LƯƠNG NGÂN SÁCH THÁNG 1 NĂM 2023 (NHÂN VIÊN NUÔI DƯỠNG, BẢO VỆ)											
4												
5	STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	HỆ SỐ/MỨC LƯƠNG	PCTN	Tổng tiền		Trừ các khoản đóng góp BH (10.5%)			Thực lĩnh	Ký nhận
6						PCTN	Tổng	8% BHYT	1.5% BHYT + 1% BHYT N	Cộng		
7	1	Nguyễn Thị Bình	CN	4,680,000	0.15	223,500	4,903,500	374,400	117,000	491,400	4,412,100	
8	2	Phùng Thị Nhung	CN	4,680,000	-	-	4,680,000	374,400	117,000	491,400	4,188,600	
9	3	Nguyễn Hồng Thủy	CN	4,680,000	-	-	4,680,000	374,400	117,000	491,400	4,188,600	
10	4	Hoàng Thị Mến	CN	4,680,000	-	-	4,680,000	374,400	117,000	491,400	4,188,600	
11	5	Nguyễn Thị Thuỷ	CN	4,680,000	-	-	4,680,000	374,400	117,000	491,400	4,188,600	
12	6	Trương Thị Thu Trang	CN	4,680,000	-	-	4,680,000	374,400	117,000	491,400	4,188,600	
13	7	Nguyễn Danh Tâm	BV	4,680,000			4,680,000	374,400	117,000	491,400	4,188,600	
14	8	Lý Công Thọ	BV	4,680,000			4,680,000	374,400	117,000	491,400	4,188,600	
15	9	Bùi Thế Hùng	BV	4,680,000			4,680,000	374,400	117,000	491,400	4,188,600	
16		Tổng cộng		42,120,000	0	223,500	42,343,500	3,369,600	1,053,000	4,422,600	37,920,900	
Số tiền bằng chữ: Ba mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn chín trăm đồng.												

1	UBND QUAN LONG BIEN									
2	TRƯỜNG MN VIỆT HƯNG									
3	DANH SÁCH CHI KẾ TOÁN, VĂN THỦY, GIÁO VIÊN HD T1/2023									
4										
5										
6	STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	HỆ SỐ, MỨC LƯƠNG	Tổng	Phụ cấp tách nhiệm	Công tác phí	Tổng cộng	Tư các khoản đóng góp BH (10.5%)	
7									8% BHh	15% BHYT + 1% BHYTN
8	1	Phạm Thi Thu Thủy	Văn thư	4.680,000	4,680,000		300,000	4,980,000	374,400	117,000
9	2	Nguyễn Thị Thu Trang	Kế toán	4.680,000	4,680,000	298,000	300,000	5,278,000	374,400	117,000
10	3	Nguyễn Huyền Hạnh	Giáo viên	4.680,000	4,680,000		-	4,680,000	374,400	117,000
11		Tổng cộng		14,040,000	14,040,000		600,000	14,938,000	1,123,200	351,000
12									1,474,200	
13	Số tiền bằng chữ: Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm đồng./.									
14										